



Số: 015/2023/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị, được lập ngày 21 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.3 và 5.12 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản phải thu khác ngắn hạn với số tiền là 5.953.770.248 đồng và khoản phải trả khác ngắn hạn với số tiền 5.250.593.436 đồng của cùng đối tượng Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác đối với các khoản phải thu khác và phải trả khác này. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các số dư này, cũng như các ảnh hưởng liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty. Ngoài ra, khoản phải thu khác ngắn hạn này đã quá hạn hơn 03 năm. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản công nợ này do ảnh hưởng của số dư nợ phải thu và nợ phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có quỹ khen thưởng phúc lợi với số dư âm 1.029.928.255 đồng, do Công ty đã chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước. Tuy nhiên, Công ty chưa có chủ trương bù đắp khoản chi vượt nêu trên. Nếu áp dụng điều chỉnh phí hồi tố, quỹ khen thưởng phúc lợi và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty sẽ tăng và giảm cùng một số tiền là 1.029.928.255 đồng. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm tương ứng 1.029.928.255 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10b "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn", đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty vào Công ty Liên doanh Vikotrade và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn - Đông Dương. Do đó, Công ty chưa có cơ sở đáng tin cậy để thực hiện trích lập bổ sung dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính. Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể ước tính được dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



**Trương Quang Trung**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2023-242-1

**Nguyễn Thị Hoàng Vân**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1561-2022-242-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.501.462.511</b>	<b>33.681.108.175</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>893.285.397</b>	<b>3.086.020.056</b>
Tiền	111		893.285.397	1.486.020.056
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.600.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.10a</b>	<b>21.500.000.000</b>	<b>23.500.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.500.000.000	23.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.331.265.804</b>	<b>6.411.523.957</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.811.661.707	1.784.825.700
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.781.085	61.031.085
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.500.103.501	8.614.947.661
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(4.049.280.489)	(4.049.280.489)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>631.653.687</b>	<b>631.653.687</b>
Hàng tồn kho	141		930.482.934	930.482.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(298.829.247)	(298.829.247)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>145.257.623</b>	<b>51.910.475</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	102.812.500	13.700.373
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	42.445.123	38.210.102
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.206.863.343</b>	<b>11.570.370.468</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.468.244.158</b>	<b>7.123.190.032</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.468.244.158	7.123.190.032
- Nguyên giá	222		22.325.808.235	22.325.808.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.857.564.077)	(15.202.618.203)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		225.210.831	225.210.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.210.831)	(225.210.831)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.447.180.436</b>	<b>3.447.180.436</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.9	3.447.180.436	3.447.180.436
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10b</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.808.971.017	9.808.971.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.808.971.017)	(9.808.971.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>291.438.749</b>	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	291.438.749	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.708.325.854</b>	<b>45.251.478.643</b>





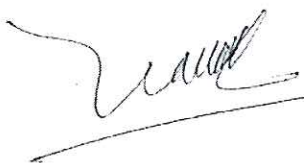
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.910.293.352</b>	<b>29.940.135.974</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	32.910.293.352	29.940.135.974
Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000	30.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(57.500.000)	(57.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.374.353.513	1.374.353.513
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.843.690.161)	(10.813.847.539)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.813.847.539)	(13.603.436.097)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.970.157.378	2.789.588.558
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.708.325.854</b>	<b>45.251.478.643</b>

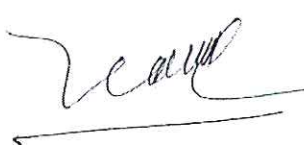
Ngày 21 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.083.351.846	9.043.017.399
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>9.083.351.846</b>	<b>9.043.017.399</b>
Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.083.351.846</b>	<b>9.043.017.399</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	1.294.821.330	1.104.629.525
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.3	7.914.705.379	6.582.279.233
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.463.467.797</b>	<b>3.565.367.691</b>
Thu nhập khác	31		690.330.659	-
Chi phí khác	32	6.4	183.641.078	775.779.133
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>506.689.581</b>	<b>(775.779.133)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.970.157.378</b>	<b>2.789.588.558</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.970.157.378</b>	<b>2.789.588.558</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	754	708

Ngày 21 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.953.056.018	11.286.228.488
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.373.736.192)	(1.429.956.573)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.202.576.630)	(1.605.698.519)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	286.061.951	55.711.477
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.262.433.192)	(2.559.155.641)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.599.628.045)</b>	<b>5.747.129.232</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.100.000.000)	(24.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.100.000.000	19.200.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.406.893.386	1.401.608.293
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.406.893.386</b>	<b>(3.998.391.707)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.086.020.056	1.337.282.531
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>893.285.397</b>	<b>3.086.020.056</b>

Ngày 21 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong